TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
SỐ:15/2024/QĐST – DS	*N, ngày 09 tháng 9 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 147, 157, 165, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai 2013, khoản 1 Điều 236 Luật Đất đai 2024, điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30/8/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/2023/TLST - DS, ngày 18 tháng 10 năm 2023 (theo Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 09/2024/QĐST-DS ngày 12/7/2024) về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Hoàng Thị Bảo H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khu đất V, đường N, phường N K, thành phố N, tỉnh N.

Bị đơn: anh Bùi Văn Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn 5, xã Ph, huyện N, tỉnh N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Quang Th, sinh năm 1958.

Địa chỉ: khu đất V, đường N, phường N K, thành phố N, tỉnh N.

Bà Hoàng Thị Bảo H và ông Nguyễn Quang Th đều ủy quyền cho ông Lê Trọng K- sinh năm 1952. Trú tại: SN 43, đường T N, tổ 19, phường B, thành phố T Đ, tỉnh N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về diện tích đất tranh chấp: các bên đương sự xác định phần đất vườn tranh chấp có diện tích là 200,8m2, tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 3 xã Ph, huyện N, tỉnh N (theo bản đồ năm 2011 là một phần thửa số 54, tờ bản đồ số 41) do anh Thắng đang thực tế sử dụng. Phần đất vườn tranh chấp có trị giá theo biên bản định giá là 22.088.000 đồng có kích cỡ như sau:

- Phía Bắc giáp phần đất còn lại của hộ bà Hoàng Thị Bảo H dài 15,08m; 0,88m và 3,82m

- Phía Nam giáp thửa 24 (nay là thửa 55) dài 14,53m.

- Phía Tây giáp đường dài là 16,52m;

- Phía Đông giáp phần đất còn lại của hộ bà Hoàng Thị Bảo H dài 12,99m.

Trên phần đất tranh chấp anh Thắng hiện đang trồng cỏ voi có trị giá theo biên bản định giá là 1.004.000 đồng

2.2. Các đương sự thỏa thuận giải quyết diện tích đất tranh chấp như sau:

Phía anh Bùi Văn Th phải có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng bà Hoàng Thị Bảo H, ông Nguyễn Quang Th phần diện tích đất vườn tranh chấp là 200,8m2, hiện đang trồng cỏ voi tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 3 xã Ph, huyện N, tỉnh N (theo bản đồ năm 2011 là một phần thửa số 54, tờ bản đồ số 41). Bà Hoàng Thị Bảo H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Bùi Văn Th số tiền công cải tạo phần diện tích đất tranh chấp và tiền giá trị trồng cỏ voi tổng là 30.000.000 đ(ba mươi triệu đồng). Bà Hoàng Thị Bảo H đã giao đủ cho phía anh Thắng số tiền là 30.000.000 đ(ba mươi triệu đồng).

(***có sơ đồ thực địa kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 14/8/2024***).

2.3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: bà Hoàng Thị Bảo H và ông Nguyễn Quang Th được miễn nộp án phí theo luật định. Bà Hoàng Thị Bảo H nhận nộp thay phần án phí dân sự sơ thẩm của anh Bùi Văn Th với số tiền là 288.600 đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: bà Hoàng Thị Bảo H nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đã tự chi trả theo luật định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.